

## KINH 108 TÊN CỦA TỶ CẦU CHI BỒ TÁT

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_Triều Tán Đại Phu Thích Hồng Lô  
Thiếu Khanh\_Truyền Giáo Đại Sư (Kẻ bày tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh tất cả Như Lai Ứng Cúng Biến Tri Giác

Nay con nói **Nhất Thiết Như Lai Tâm Chân Ngôn** này. Nếu có Trời, Người, chúng Trì Minh Tiên quy mệnh cúng dường tất cả chư Phật, thọ trì đọc tụng với khen nói Chân Ngôn sẽ thông đạt Pháp Tướng.

Nếu xưng chữ **Án** (OM) là nghĩa *viên mãn*

Nếu xưng chữ **Năng** (NA) là nghĩa *lià sự sợ hãi*. Cũng gọi là nghĩa *phá ma*

Nếu xưng chữ **Sa** (SA) là nghĩa *hàng phục oan gia chướng ngại*

Nếu xưng chữ **Nễ** (NI) là nghĩa *phá hoại oán địch*.

Nếu người sợ hãi dùng sức Chân Ngôn xa lià sợ hãi

Liên nói Đà La Ni là:

**Án, bật-lý câu chi, đất chi, phệ đất chi, phệ đất chi, phệ đất chi, thấp-phệ đa nhạ chi nễ, tát-phộc hạ, tát phộc hạ**

\*)OM\_ BHRKUTĪ TAṬI VĪTAṬI VĪTAṬI VĪTAṬI ŚVETA JAṬINI SVĀHĀ

**Ca la du số, nghê-dã năng, bát nột-ma hạt tát-đổ nột-bà phộc, phộc la, ma la đất-la dã, vĩ năng xá dã, vĩ bà phộc đất-la vĩ mẫu tả nễ, hồng ca lý, tát đất-lý bà phộc nhạ-phộc lộ ma, ca lỗ ma la, già đa nễ, tát-phộc hạ.**

\*)KĀRĀYEṢU JÑĀNAM PADMA-HASTA-UDBHAVA VARA BALATRAYA VINĀSĀYA VIBHAVA TRA-VIMOCANĪ HŪM-KĀRĪ STRIBHAVA JVALUMĀ KĀRU MĀRA GHĀTANĪ SVĀHĀ

**Ca lý noa, bổ sắt-trí-dã tông nhạ ca lý, cữu ma, năng xá nam**

\*)KĀREṆA PUṢṬYA VYAÑJAKĀRĪ JIHMA NĀSANAM

**Năng ma khu-dã, bế đa đất-phệ năng, bật-lý câu trá-dã sắt-tra thiết đa nễ phệ, vĩ nễ-dụ đa ma**

\*)NĀMA ĀKHYĀPI-TATTVENA BHRKUTYA AṢṬA-ŚATA DEVĪ VIDYA-UTTAMĀ

**Vĩ nễ-dã đà lý, vĩ nễ-diệm ma la, nễ phộc tát nễ**

\*)VIDYĀ-DHARĪ VIDYAM-BALA NIVĀSINĪ

**Vĩ nễ-dã nghê nỉ phộc-dã lỗ bế, thất-lý**

\*)VIDYA-JÑĀ DIVYA-RŪPE ŚRĪ

**Vĩ nễ-dã la nhạ, ba la nhạ đa, a nhạ đa, tăng đất-la, sa đất-la sa nễ, vĩ cận-năng, già đa nễ.**

\*)VIDYA-RĀJA APARĀJITA AJITA SAM-TRĀSA TRASANI VIGHNA-GHĀTANI

**Bát nột-mãng nghĩ, bát nột-ma kinh nhạ lê-kê, bát nột-mẫu nột-bà phộc, vĩ xá lê nễ nga lý**

\*)PADMĀMGE PADMAKA-JALPĀKE PADMA-UDBHAVA VICALANE GARI

**Thấp-phệ đa, ma la tinh nga, lỗ bế, tả, tinh nga, kế xá nghĩ nễ, môn tả nhạ**

\*)ŚVETA-MĀLĀ PIṄGA-RŪPE CA PIṄGA-KEŚA AGNI MUÑCA-JĀ

**Nhập-phộc la nễ, đát ba nễ lao nại-lý, câu ma lý, vĩ thấp-phộc lỗ bé, nê nga ma lý**

\*)JVALANĪ TĀPANĪ RAUDRI-KUMĀRI VIŚVA-RŪPE NĪGHA MĀRI

**Tô một-la đa, thiết đa tác khát-xoa đa, nại đa, nhạ đa, ma tha la**

\*)SUVRATA ŚATA SĀKṢĀTA DATTA AJITAM ACCHA-RĀ

**Địa-dã năng thức la ma để, bát-la nghê-dã, ngu noa nghê-dã, ngu noa sa nga la, đa la nê, đa la nê**

\*)DHYĀNA ŚĪLA MATI PRAJÑA GUṆA-JÑA GUṆA-SĀGARA TĀRAṆI TĀRAṆI

**Đát đát-phộc nghê-dã, đát đát-phộc tam bà phộc**

\*)TATVA-JÑA TATTVA SAMBHAVA

**Bát nột-ma hạt tát-đỏ nột-bà phộc dã, la đà ca**

\*)PADMA-HASTA UDBHAVĀYA RĀDDHAKA

**Vĩ la phộc lỗ đa ma, phộc la na, phộc la , tam bố la noa**

\*)VĪRA VARA-UTTAMA VARADA VARA SAMPŪRṆA

**Na xá phổ di, bát-la để sắt-xỉ đa, nga lý-nhạ đa, minh già, tăng ca xá, vĩ nễ-du để nhạ ca, tam bà phộc.**

\*)DAŚA-BHŪMI PRATIṢṬHA GARJITA MEGHA SAṆKĀŚA VIDYU-TEJĀKA SAMBHAVA

**Mao nhạ nhạ trí, nhạ tra đà lý**

\*)MAUNJĪ-JAṬI JAṬA-DHARI

**Một-la hám ma, vĩ nễ-dã đà lý**

\*)BRAHMA VIDYA-DHARI

**Phộc la, đà la nê, đà la nê, đà để**

\*)VARA-DHĀRAṆĪ DATTE

**Na năng vĩ nễ-dã, ba la cật-la ma**

\*)DĀNA VIDYA PRARAKRAMA

**Tát đỏ lý-phổ nhạ, tạt đỏ lý-năng sắt-tra-la, phổ nhạ , sa hạ tát-la , ba la nhạ đa**

\*)CATURBHUJA CATUR-DAMṢṬRA BHUJA-SAHASRA APARĀJITA

**Tát đỏ lý-phộc cật-đát-la nê ca, phộc cật-đát-la, tả**

\*)CATUR-VAKTRA ANĪKA-VAKTRA CA

**Phộc cật-đát-la, lạc khát-xoa, ba la nhạ đa, đát-lý nễ đát-la, vĩ phộc-dã nễ đát-la, tả**

\*)VAKTRA LAKṢA APARĀJITA TRI-NETRA VYĀ-NETRA CA

**Tát bát-đa lạc khát-xoa, lý-ca lộ tả năng, bán tả lộ tả năng, tam bố la-noa**

\*)SAPTA-LAKṢA ARKA LOCANA PAṆCA-LOCANA SAMPŪRṆA

**Sa tra-tỳ nghê-dã, nghê-dã năng, lộ tả năng, a bát-la ma noa, bát-la ma noa, tả**

\*)ṢAḌ-ABHIÑJA JÑĀNA LOCANA APRAMĀṆA APRAMĀṆA CA

**Tế-du ma ba đa la bố la nê, tóc khát-xoa-ma, la-tha, vĩ-duợc cật-đa, nghiêm tỳ la vĩ nễ-dã, na nễ thấp-phộc lý.**

\*)JYOSTAMA PĀTĀLA PŪRAṆI SŪKṢMA ARTHA VYAKTA GAṆBHĪRA-VIDYA NĀDĪŚVARI

**Ba la a nghĩ-nễ, kế thi nỉ xá nhạ phộc lê, sa hạ tát-la lý tức lý**

\*)PARA-AGNI KEŚI DIŚA JVALE SAHASRA ARCI RI

**Nhạ-phộc lê đa năng để phộc hạ-nễ, nhập-phộc lạc gia tán đa bé**

\*)JVALITĀM ATĪ VAHNI JVALĀYA SAṆTĀPI

**Nhạ-phộc lê đấng nghĩ sa ca, mạn noa lộ khur lăng-nga, thước cật-đề đà la, bá xá.**

**\*)JVALITĀMGE SAKA MAṄḌALO KHADGA ŚAKTI DHĀRA-PĀŚA**

**Cật-lý sắt-noa nhạ năng, nễ phộc tỷ nễ, ác khắt-xoa tổ đất-la đà la**

**\*)KṚṢṆA-JINA NIVĀSINI AKṢA-SUTRA DHARA**

**Vĩ nễ-dã nan noa, bát nột-mãng câu thi, sa la tát-pha-la, ngật-lý hứ đa**

**\*)VIDYA-DANḌA PADMA-ĀNKUṢE SĀRA SPHARA GRHĪTA**

**Sa-đất-la mục ca nhạ-phộc la, bát-la nỉ ba nễ na hạ năng**

**ASTRA EKA-JVALA PRADĪPA NIDĪ HANA**

**Ma la vĩ cận-năng đa, bát-la nhạ-phộc la đề, đất-lý du lê nễ, la nhạ đấng nhạ  
dã, nhạ dã đề**

**\*)MĀRA-VIGHNATĀ PRAJVALITE TRISŪLINI AJITAM-JAYA JAYATĪ**

**Phộc thấp-phệ đa, bát nột-mãng nga ma lê nễ ca di nễ ca di**

**\*)IVA ŚVETA PADMĀMGA MĀLINI KĀME NIKĀME**

**Nễ ca ma lỗ bẻ tả, tát địa tất địa, phộc la bát-la na**

**\*)NIKĀMA-RŪPE SIDDHI SIDDHI VARA PRADA**

**Vĩ bố sử đa, lăng cật-lý đấng nghĩ tả**

**\*)VIBHŪṢITA ALAMKṚTĀMGE CA**

**Nễ lý-phổ sái noa, tô phổ sái noa, bộ đa ma đa vĩ xá, lạc khắt-sử**

**\*)NIRBHŪṢAṆA SUBHŪṢAṆA BHŪTA MĀTA AVIŚA ALAKṢĪ**

**Bát nột-ma kế sa la, ma lê nễ, phổ di nễ**

**\*)PADMA-KESARA MĀLINI BHŪMI-DĪ**

**Phộc nhật-la tam tỷ nỉ, tác cật-la, nhạ-phộc lộ lạc ca, bá đa nễ**

**\*)VAJRA SAMBHINNI CAKRA JVALA-ULKA-PĀTANI**

**Tát đạt lý ma đà la nễ, mỗi đất-la, sa vĩ-dụng đất-lý**

**\*)SADDHARMA DHĀRAṆĪ MATRA SĀVITRĪ**

**Một đà, ma đa tả hiển đà lý, nại la di nễ, tán nễ**

**\*)BUDDHA-MĀTA CA GĀNDHĀRI DRĀMIDI CAṄḌI**

**Xá phộc lý, xá phộc lý, mẫu nễ, sa hạ tát-la yết lý-ma, ma hạ du nghệ yết lý-  
ma, tất đà đất-lý**

**\*)ŚĀVARI ŚĀVARI MUṆI SAHASRA-KARMA MAHĀ-YOGI-KARMA  
SIDDHA ATRI**

**Vĩ cật-la ma, bát-la san năng, mẫu già bá xá tả, ca lỗ noa tát đất-phộc, phộc  
tha la nhạ, nga đề**

**\*)VIKRAMA PRASANNA AMOGHA-PĀŚA CA KĀRUṆA-SATTVA  
VAT-SALA JAGATI**

**Đà đất-lý tam bán năng nễ lý-phộc nễ, tô bát-la đề sắt-đá đa, tát-phộc hạ.**

**\*)DHATṚ SAMPANNA NIRVĀṆI SUPATIṢṬHITA SVĀHĀ**

**Nhất Bách Bát Danh Bí Mật Chân Ngôn** này. Nếu có người một lòng thọ trì, đọc tụng. Hoặc tự viết chép hoặc vì người giải nói sẽ tăng Thọ, tốt lành, Phước tướng đoan chính, mọi người yêu kính, xa lìa cảnh Ma, ra khỏi nạn sinh tử, được Trời, Người, A Tu La cung kính cúng dường. Lại được hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Nga Lô Noa...chúng Trì Minh Tiên tôn trọng khen ngợi. Hết thủy gông cùm , xiềng xích, cạm trói..tự nhiên giải thoát.Sư Tử, cọp, sói, các Quỷ đói ác, oan gia, trộm cướp...chẳng thể bức hại. Gió bạo ác, lửa mạnh, sấm sét, mưa đá, sông, biển, thuyền trôi nổi, thuốc độc, bệnh nặng... chẳng thể xâm lấn gây tổn hại

Nếu có người niệm tên của **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkuṭi) thời Bồ Tát luôn luôn cứu giúp. Hết thấy các Ma ác, oan gia đến gây bức não..lúc ấy Bồ Tát ngậm phóng ánh sáng của thân chiếu khắp hư không như trăm ngàn mặt trời. Ánh sáng ấy đẹp rực rỡ dứt hết Ma oan cho đến trời đất thấy đều thanh tịnh. Lại khiến người ấy tăng trưởng Trí Tuệ, ở trong bảy đời được Túc Mệnh Thông, sinh trong giòng Sát Đế Lợi, làm thân quốc vương. Từ đây, khi mệnh chung sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây.

KINH 108 TÊN CỦA TỖ CẬU CHI BỒ TÁT  
\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/03/2013